TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: NGOẠI NGỮ

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 72ELAN10073

Tên học phần: TIẾNG HOA 4

Mã nhóm lớp học phần: 231_72ELAN10073_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có ☐ Không ☒

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

Format đề thi:

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Phần tự luận liền sau phần trắc nghiệm
- Đáp án phần tự luận: **in đậm, màu đỏ**

PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)

你_____开始踢足球呢？

A. 什么时候
B. 怎么
C. 什么样
D. 多久

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)

这是_____的房间？

A. 谁
B. 哪儿

C. 哪个
D. 几
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
你要不要买_____把新的椅子？
A. 几
B. 多
C. 多少
D. 大概
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
因为昨天下雨所以我们都没_____游泳。
A. 出去
B. 运动
C. 回去
D. 出来
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
你_____这件 T 恤好看吗？
A. 觉得
B. 认为
C. 以为
D. 感觉
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
帮我_____一下这件衣服怎么样？
A. 看
B. 写
C. 读
D. 听
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
这_____电视剧很好看。
A. 部
B. 个

C. 张
D. 把
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
昨天的考试还可以，就是很多字我都不知道是什么_____。
A. 意思
B. 写
C. 读
D. 样
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
因为天气很冷，所以我 _____了。
A. 生病
B. 上课
C. 跑步
D. 出去
ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)
小王今天去不去_____篮球？
A. 打
B. 玩
C. 买
D. 踢
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: 李先生出院多长时间了？
B: ……
A. 我不知道，你问一下张医生吧。
B. 是小明帮我介绍的。
C. 我非常喜欢吃，我也会做。
D. 这个是安娜买的，今天是大卫的生日。
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: ……
B: 两年前开始的，我来中国已经一年多了。
A. 你的汉语真好！你是什么时候开始学汉语的？

B. 你喜欢现在的工作吗？
C. 你什么时候认识谢先生的？
D. 大卫，上午有你的一个电话。
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: 我要去商店，你去吗？
B: ……
A. 我也去，我要买几个新椅子。
B. 十四岁了。
C. 你也很喜欢？这是我在北京买的。
D. 男的为什么不喜欢上海？
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: ……
B: 对，他每天早上出去跑步。
A. 你爸爸每天运动吗？
B. 明天我们一起去看电影吧。
C. 他开车怎么样?
D. 你和朋友吃饭了吗？
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: ……
B: 知道了，再看一会儿就睡觉。
A. 在床上看书对眼睛不好。
B. 今天晚上一起吃饭吧。
C. 大卫回来了吗？
D. 下午会不会下雨？
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: 你看见小卫了吗？他的车在门外呢。
B: ……
A. 我没看见。
B. 谁看见小卫了？
C. 他们为什么没去踢足球？
D. 谁去北京了？
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: 今天早上送牛奶的来了吗？
B: ……
A. 我不知道，你看看外边有没有牛奶。
B. 星期天回来。
C. 我在北京住三天。
D. 明天下午喝奶茶。
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: ……
B: 我最喜欢左边的。
A. 你最喜欢哪块手表？
B. 我们一起喝奶茶吧。
C. 桌子上的报纸是哪天的？
D. 这是谁的房间？
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: 你看见我的手机了吗？
B: ……
A. 让我想想，你看是不是在床上？
B. 女的为什么给男的打电话？
C. 好，打篮球怎么样？
D. 好的，先生。我叫人去看看。
ANSWER: A

Chọn câu tương ứng cho đoạn đối thoại: (0,2 điểm)
A: 我想给妈妈买件衣服，你看这两件怎么样？
B: ……
A. 这件白的有点儿长，那件黑的有点儿贵。
B. 我想问问你晚上去不去看电影。
C. 他下午去哪儿？
D. 没有，他在看电视呢。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 他每天吃很多面条。
B. 我想问问你晚上去不去看电影。
C. 他们想在饭馆吃面条。
D. 没有，他在看电视呢。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 他们都在准备下午的考试呢。
B. 我想问问你晚上去不去看电影。
C. 他下午去游泳。
D. 没有，他在看电视呢。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 医生说喝茶对身体很好。

B. 我想问问你晚上去不去看电影。
C. 他下午去游泳。
D. 没有，他在看电视呢。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 今天我不舒服，好像发烧了。
B. 他今天不来上课。
C. 他生病了，下午想在家休息休息。
D. 她在吃药呢。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 小汪每天都很忙, 也很累。
B. 他今天不来上课。
C. 王医生的儿子多高？
D. 她现在身体怎么样？
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 今天的晚饭是我和丈夫一起做的。

B. 这是他刚买的新车。
C. 今晚我们去外面吃吧。
D. 妈妈，今天我想吃你做的饭。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 今天报纸是王小姐买的。
B. 这是他刚买的书包。
C. 今天的新闻你看了吗？
D. 这本杂志太贵了！
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 我家离公司很远，所以要坐公共汽车去公司。
B. 我很快就到机场了，你等我一下。
C. 大夫正给他看病呢。
D. 在床上看书对眼睛不好。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 小丽，在床上看书对眼睛不好。
B. 我很快就到机场了，你等我一下。
C. 太晚了，你快点睡吧。
D. 明天我和她去图书馆看书。
ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh: (0,2 điểm)

A. 这个月我和小张天天游泳，现在我们都七十公斤了。
B. 你喜欢上游泳课吗？
C. 我非常喜欢这个工作，已经工作两年了。
D. 我不知道，你问一下张医生吧。
ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 1 (0.5 điểm): Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

最 / 旅游 / 去 / 你 / 什么 / 大叻 / 时候 / 好

Đáp án Câu 1: 你什么时候去大叻旅游最好？

Hoặc 什么时候你去大叻旅游最好？

Câu 2 (0.5 điểm): Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

对 / 运动 / 很好 / 每天 / 身体 / 半个小时

Đáp án Câu 2: 每天运动半个小时对身体很好。

Câu 3 (0.5 điểm): Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

看 / 马丁 / 医院 / 这两天 / 爷爷 / 去 / 经常

Đáp án Câu 3: 小张这两天经常去医院看爷爷。

Hoặc 爷爷这两天经常去医院看小张。

Câu 4 (0.5 điểm): Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

喜欢 / 喜欢 / 女儿 / 粉色 / 张老师 / 的 / 不

Đáp án Câu 4: 张老师的女儿喜欢不喜欢粉色？

Câu 5 (0.5 điểm): Sửa câu sai

今天下午李月已经游泳两多个小时了。

Đáp án Câu 5: 今天下午李月已经游泳两个多小时了。

Câu 6 (0.5 điểm): Sửa câu sai

你家远离公司吗？

Đáp án Câu 6: 你家离公司远吗？

Hoặc 公司离你家远吗？

Câu 7 (0.5 điểm): Sửa câu sai

几书本这是都我的。

Đáp án Câu 7: 这几本书都是我的。

Câu 8 (0.5 điểm): Sửa câu sai

李月在上海工作二多个年了。

Đáp án Câu 8: 李月在上海工作两年多了。

Ngày biên soạn: 10/10/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: Võ Ngọc Thiên Phụng

Ngày kiểm duyệt: 20/10/2023

Trưởng Khoa kiểm duyệt đề thi: TS. Phan Thế Hưng